



## Mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên năm 2023

Vũ Thị Thu Hà<sup>1</sup>, Vũ Văn Đẩu<sup>2</sup>, Vũ Thị Thu Hương<sup>3</sup>, Hoàng Thị Minh Phương<sup>4</sup>, Nguyễn Thảo Trúc Chi<sup>5</sup>, Đặng Thị Thanh Thủy<sup>6</sup>, Đặng Tiến Đạt<sup>1</sup>  
<sup>1</sup>Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, <sup>2</sup>Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, <sup>3</sup>Trường Đại học Tây Nguyên, <sup>4</sup>Trường Cao đẳng Gia Lai, <sup>5</sup>Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk, <sup>6</sup>Trường Đại học Buon Ma Thuot

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên năm 2023 và xác định một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 222 sinh viên cao đẳng điều dưỡng chính quy đang học năm 2 và năm 3 tại trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trường Cao đẳng Gia Lai, trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk. Mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng được đối tượng nghiên cứu tự đánh giá qua sự thực hiện 30 quy trình kỹ thuật điều dưỡng. **Kết quả:** Điểm trung bình về sự tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng là  $7,7 \pm 1,5$  (trên thang điểm 10). 175 sinh viên (78,8%) có sự tự tin ở mức độ trung bình, trong khi chỉ có 47 (21,2%) sự tự tin ở mức độ cao. Trong 30 kỹ năng, sinh viên có sự tự tin cao nhất trong thực hành kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn (79,7%), kỹ thuật tiêm thuốc (63,5%). Sự tự tin thấp nhất là thực hiện hoặc phụ giúp kỹ thuật nẹp chi cho người bệnh (21,2%), chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong (23,4%). Kỳ học, điểm trung bình học tập, sự hướng dẫn và động viên của giảng viên và điều dưỡng, tâm lý của sinh viên liên quan có ý nghĩa thống kê với sự tự tin thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên. **Kết luận:** Phần lớn sinh viên có mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng ở mức độ trung bình. Sự hướng dẫn và động viên của giáo viên và điều dưỡng lâm sàng đóng vai trò quan trọng đối với sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên. Vì vậy giáo viên và điều dưỡng lâm sàng cần quan tâm, giám sát, hướng dẫn sinh viên khi thực hành lâm sàng nhất là những sinh viên lần đầu đi lâm sàng và sinh viên có điểm trung bình học tập thấp. Cần chú ý hơn với những quy trình chăm sóc mà sinh viên ít được thực hiện như chăm sóc cận tử, đặt nẹp bất động gãy xương.

**Từ khoá:** Sinh viên điều dưỡng, tự tin thực hành lâm sàng.

## Degree of self-confidence in clinical skill practice of nursing students at some colleges in the Central Highland region in 2023

Vu Thi Thu Ha<sup>1</sup>, Vu Van Dau<sup>2</sup>, Vu Thi Thu Huong<sup>3</sup>, Hoang Thi Minh Phuong<sup>4</sup>, Nguyen Thao Trúc Chi<sup>5</sup>, Dang Thi Thanh Thuy<sup>6</sup>, Dang Tien Dat<sup>1</sup>  
<sup>1</sup>Kon Tum College, <sup>2</sup>Nam Dinh University of Nursing, <sup>3</sup>Tay Nguyen University, <sup>4</sup>Gia Lai College, <sup>5</sup>Medical College of DakLak, <sup>6</sup>Buon Ma Thuot University

### ABSTRACT

**Objectives:** This study aims to describe the level of confidence in clinical nursing practice among nursing students at several colleges in the Central Highlands region of Vietnam in 2023 and identify related factors. **Method:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 222 regular nursing students in their second and third years at Kon Tum Community College, Gia Lai Community College, and Dak Lak Medical College. The level of confidence in clinical skills practice was self-assessed by the research participants through the execution of 30 nursing technical procedures. **Results:** The average confidence score of students in clinical skills practice was  $7.7 \pm 1.5$  (on a scale of 10). 175 students (78.8%) had moderate confidence levels, while only 47 (21.2%) exhibited high confidence levels. Among 30 skills assessed, students had the highest confidence in performing vital signs measurement techniques (79.7%) and medication administration techniques (63.5%). The lowest confidence levels were reported in techniques related to wound dressing (21.2%) and end-of-life care (23.4%). Semester, average academic performance, guidance and encouragement from instructors and clinical preceptors, and the psychological well-being of students were statistically significant factors related to students' confidence in clinical skills practice. **Conclusions:** The majority of nursing students displayed a moderate level of confidence in clinical skills practice. Guidance and encouragement from instructors and clinical preceptors play a crucial role in influencing students' confidence in clinical skills practice. Therefore, they should pay more attention and provide further guidance to students, especially those who are embarking on their first clinical experiences and those with lower academic performance. It is essential to give extra emphasis to procedures that students have fewer opportunities to practice, such as end-of-life care and splinting for bone fractures.

**Keywords:** Nursing student, self-confidence in clinical skill practice.

Tác giả: Vũ Thị Thu Hà  
Email: vuha0610@gmail.com  
DOI: 10.54436/jns.2023.05.715

Ngày nhận bài: 03/9/2023  
Ngày hoàn thiện: 03/10/2023  
Ngày đăng bài: 04/10/2023

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong đào tạo điều dưỡng, cùng với giáo dục lý thuyết, thực hành cũng đóng một vai trò quan trọng trong chương trình giáo dục<sup>1</sup>, trong đó thực tập lâm sàng có vai trò cơ bản trong đào tạo điều dưỡng<sup>2</sup> góp phần không nhỏ để sinh viên sau tốt nghiệp có kỹ năng và tay nghề thành thạo. Bởi vậy, trong chương trình đào tạo của sinh viên, thời gian thực tập lâm sàng chiếm hơn một nửa thời gian học<sup>3</sup>.

Đào tạo kỹ năng lâm sàng hiệu quả mang lại cảm giác tự tin về năng lực lâm sàng và tự tin ở sinh viên. Trích dẫn định nghĩa của Bandura về năng lực bản thân là “tin tưởng vào khả năng của chính mình để hành động hiệu quả trong các tình huống khác nhau”<sup>4</sup>. Đã có một số nghiên cứu trên thế giới về đánh giá sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng như nghiên cứu của Kukulic và các cộng sự năm 2013, nữ sinh viên điều dưỡng kém tự tin hơn nhiều so với nam sinh viên, sự tự tin nên được nuôi dưỡng trong một chương trình điều dưỡng toàn diện; tuy nhiên, còn thiếu sự rõ ràng về ý nghĩa của sự tự tin, sinh viên nhìn nhận nó như thế nào và các nhà giáo dục có thể làm gì để truyền sự tự tin cho sinh viên điều dưỡng<sup>5</sup>. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huyền về “Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng chính quy tại bệnh viện trung ương Thái Nguyên năm 2019” cho kết quả chỉ 14,2% sinh viên có sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng ở mức độ cao<sup>6</sup>.

Thực tế tại các trường cao đẳng tại khu vực Tây Nguyên, sinh viên điều dưỡng đã đi lâm sàng các bệnh viện tại khu vực trong nhiều năm tuy nhiên vẫn gặp nhiều khó khăn dẫn đến thiếu tự tin ảnh hưởng đến chất lượng học tập lâm sàng. Để xác định mức

độ tự tin và một số yếu tố nào ảnh hưởng đến mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu: “*Thực trạng mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên năm 2023*”, với các mục tiêu sau: (i) *Mô tả mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên;* (ii) *Xác định một số yếu tố liên quan đến mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên.*

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

**Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC):** Sinh viên điều dưỡng chính quy đang học tại trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trường Cao đẳng Gia Lai, trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk.

**Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên năm 2 và năm 3, đã và đang thực tập lâm sàng tại bệnh viện. Đồng ý tham gia nghiên cứu

**Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không có mặt tại thời điểm lấy số liệu.

**Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Từ 3/2023 đến 6/2023 tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trường Cao đẳng Gia Lai, trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk.

**Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang.

**Cỡ mẫu và chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ sinh viên đủ tiêu chuẩn chọn vào nghiên cứu trừ 30 sinh viên khảo sát bộ công cụ và một số sinh viên vắng mặt tại thời điểm thu thập số liệu. Tổng số sinh viên chọn vào nghiên cứu là 222 sinh.

**Công cụ nghiên cứu:** Sử dụng bộ câu hỏi tự điền gồm 02 phần:

- Phần 1. Thông tin cá nhân cơ bản.

- Phần 2: Đánh giá sự tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên NCSES: gồm 30 câu với câu trả lời đánh giá kỹ năng thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng theo thang điểm từ 1 đến 10 (khoảng điểm có thể đạt được là 30 – 300).

### Phương pháp thu thập số liệu:

Thu thập số liệu được tiến hành các ngày trong tuần ít tiết học và mời những sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu tham gia nghiên cứu. Sinh viên được giới thiệu chung về nghiên cứu và yêu cầu ký vào bản đồng ý tham gia nghiên cứu. Mỗi sinh viên mất khoảng 10 đến 15 phút để sinh viên hoàn thành bộ câu hỏi.

## KẾT QUẢ

**Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu (n = 222)**

Đặc điểm		n	%
Giới	Nam	17	7,7
	Nữ	205	92,3
Tuổi	≤ 25 tuổi	214	96,4
	> 25 tuổi	8	3,6
Năm học	Năm 2	128	57,7
	Năm 3	94	42,3
Trường	CĐ Cộng đồng Kon Tum	49	22,1
	CĐ Gia Lai	70	31,5
	CĐYT Đăk Lăk	103	46,4
Điểm trung bình năm học trước	3.6 đến 4.0	8	3,6
	3.3 đến < 3.6	82	36,9
	2.5 đến < 3.2	116	52,3
	2.0 đến < 2.5	16	7,2
<b>Tổng</b>		<b>222</b>	<b>100</b>

Đa số sinh viên tham gia nghiên cứu là nữ với 205 sinh viên chiếm 92,3%. Số lượng sinh viên năm 2 chiếm 57,7% cao hơn sinh viên năm 3 chiếm tỉ lệ 42,3%. Đa số các sinh

Sau mỗi trường điều tra, nghiên cứu viên tập hợp và kiểm tra các phiếu về số lượng và chất lượng, nếu không đạt yêu cầu thì điều tra lại.

**Xử lý số liệu:** Số liệu được xử lý theo phần mềm thống kê y học SPSS 22.0 thống kê mô tả và thống kê phân tích tương quan, kiểm định khi bình phương, tỉ suất chênh OR và khoảng tin cậy 95%.

**Đạo đức nghiên cứu:** Đề cương được Hội đồng đạo đức của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định thông qua số 940/GCN-HĐĐĐ và được sự đồng ý của Hiệu trưởng 3 trường Cao đẳng Y tế Kon Tum, Cao đẳng Gia Lai, Cao đẳng Y tế Đăk Lăk. Quá trình nghiên cứu thực hiện đúng các nguyên tắc và quy định trong nghiên cứu y sinh học.

viên đều ở độ tuổi nhỏ hơn 25 tuổi chiếm tỉ lệ 96,4%. Điểm trung bình học tập chủ yếu đạt mức giỏi và khá đạt tỉ lệ lần lượt là 52,25% và 36,94%, điểm trung bình học tập mức xuất sắc thấp nhất có tỉ lệ 3,6%.

**Bảng 2. Sự tự tin về thực hành 15 kỹ năng (1) lâm sàng của ĐTNC (n = 222)**

Nội dung	Điểm trung bình	Mức độ tự tin		
		Thấp	Trung bình	Cao
		n (%)	n (%)	n (%)
Thực hiện kỹ thuật đo điện tim cho người bệnh	8,04	14 (6,3)	79 (35,6)	129 (58,1)
Thực hiện kỹ thuật tiêm thuốc theo y lệnh cho người bệnh	8,7	0	81 (36,5)	141 (63,5)
Thực hiện kỹ thuật lấy dấu sinh hiệu cho người bệnh	9,06	0	45 (20,3)	177 (79,7)
Thực hiện kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc đúng giờ và theo dõi tác dụng của thuốc	8,68	0	84 (37,8)	138 (62,2)
Thực hiện kỹ thuật vệ sinh và nhỏ thuốc nhỏ mắt, tai hoặc mũi cho người bệnh	7,77	7 (3,2)	121 (54,5)	94 (42,%)
Thực hiện kỹ thuật thay băng vết thương đúng kỹ thuật	7,92	0	134 (60,4)	88 (39,6)
Thiết lập mối quan hệ tin tưởng với người bệnh để họ có thể chia sẻ khi gặp khó khăn và cần sự trợ giúp kịp thời	8,34	2 (0,9)	97 (43,7)	123 (55,4)
Thiết lập mối quan hệ tốt trong quá trình thực hành với các điều dưỡng giám sát và điều dưỡng trưởng trong khoa thực tập	7,6	13 (5,9)	118 (53,2)	91 (41,0)
Thực hiện kỹ thuật cắt chỉ cho người bệnh	6,89	21 (9,5)	137 (61,7)	64 (28,8)
Giải thích về phương pháp điều trị cho người bệnh	7,77	5 (2,3)	108 (48,6)	109 (49,1)
Hướng dẫn và giúp đỡ người bệnh bất kỳ thủ tục hành chính nào trong quá trình nằm viện	8,03	4 (1,8)	97 (43,7)	121 (54,5)
Chuẩn bị, thực hiện kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch	8,6	0	81 (36,5)	141 (63,5)
Nhận biết tình trạng bình thường và bất thường của người bệnh để thông báo kịp thời cho bác sĩ	8,1	0	109 (53,6)	103 (46,4)
Theo dõi, chăm sóc người bệnh đặt catheter tĩnh mạch	7,13	12 (5,4)	147 (66,2)	63 (28,4)
Thích nghi với môi trường mới khi chuyển khoa thực tập lâm sàng	8,08	3 (1,4)	95 (42,8)	124 (55,9)

**Bảng 3. Sự tự tin về thực hành 15 kỹ năng (2) lâm sàng của ĐTNC (n = 222)**

Nội dung	Điểm trung bình	Mức độ tự tin		
		Thấp	Trung bình	Cao
		n (%)	n (%)	n (%)
Thực hiện kỹ thuật tiêm thuốc hoặc vaccine cho trẻ sơ sinh và trẻ em	6,7	18 (8,1)	141 (63,5)	63 (28,4)
Hướng dẫn các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường phù hợp với người bệnh	7,91	2 (0,9)	118 (53,2)	102 (45,9)
Thực hiện kỹ thuật liệu pháp hô hấp: Tập thở, tập ho có hiệu quả, vỗ rung lồng ngực	7,46	1 (0,5)	146 (65,8)	75 (33,8)
Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật tự tiêm Insulin	8,17	4 (1,8)	94 (42,3)	124 (55,9)
Thực hiện liệu pháp oxy	8,15	2 (0,9)	104 (46,8)	116 (52,3)
Đưa ra các vấn đề chăm sóc trên người bệnh và các can thiệp điều dưỡng	7,41	2 (0,9)	160 (72,1)	60 (27,0)
Thực hiện kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	8,68	1 (0,5)	80 (36,0)	141 (63,5)
Thực hiện các quy trình kỹ thuật đảm bảo đúng nguyên tắc vô khuẩn	8,06	2 (0,9)	120 (54,1)	100 (45,0)
Thực hiện kỹ thuật đặt thông tiểu	6,88	14 (6,3)	146 (65,8)	62 (27,9)
Thực hiện hoặc phụ giúp kỹ thuật nẹp chi cho người bệnh	6,76	14 (6,3)	161 (72,5)	47 (21,2)
Phụ giúp hoặc thực hiện sơ cấp cứu người bệnh	6,9	16 (7,2)	148 (66,7)	58 (26,1)
Hỗ trợ chăm sóc tinh thần cho người bệnh	7,9	2 (0,9)	106 (47,7)	114 (51,4)
Thực hiện kỹ thuật thụt tháo hoặc đặt thuốc hậu môn cho người bệnh	6,58	24 (10,8)	142 (64,0)	56 (25,2)
Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong	6,21	34 (15,3)	136 (61,3)	52 (23,4)
Chăm sóc người bệnh sau mổ	7,37	10 (4,5)	132 (59,5)	80 (36,0)

Kết quả bảng 2 và 3 cho thấy trong 30 kỹ năng thực hành điều dưỡng được nghiên cứu có điểm trung bình của các tiêu chí đánh giá từ 6,21 – 9,06, điểm từng tiêu chí rải khắp từ thấp đến cao. Các sinh viên có sự tin cao nhất trong thực hành kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn 9,06 (tỉ lệ sinh viên đánh giá mức độ tự tin cao 79,7%). Các sinh viên có sự tự tin thấp nhất trong thực hành kỹ thuật chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong 6,21 (tỉ lệ sinh viên đánh giá mức độ tự tin cao 23,4%).

**Bảng 4. Kết quả sự tự tin về thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên (n = 222)**

Mức độ tự tin	n (%)	Điểm trung bình $\pm$ SD	Min – Max
Cao	47 (21,2)	9,4 $\pm$ 0,3	9,0 – 10,0
Trung bình	175 (78,8)	7,3 $\pm$ 1,4	4,2 – 8,9
Thấp	0	0	
Điểm trung bình chung: 7,7 $\pm$ 1,5			

78,8% có sự tự tin ở mức độ trung bình với giá trị trung bình là 9,39  $\pm$  0,3 còn lại là 21,2% có mức độ tự tin cao với giá trị điểm trung bình là 7,3  $\pm$  1,4, không có sinh viên nào tự đánh giá ở mức độ tự tin thấp; điểm trung bình mức độ tự tin là 7,72  $\pm$  1,49.

**Bảng 5. Liên quan giữa sự tự tin và điểm trung bình học tập, năm học (n = 222)**

		Sự tự tin n (%)		OR (95% CI)	p
		Trung bình	Cao		
Điểm trung bình năm học	3.6 đến 4.0	6 (2,7)	2 (0,9)	0,0	0,01
	3.3 đến < 3.6	60 (27,0)	22 (9,9)	0,25 (0,05 – 1,1)	
	2.5 đến < 3.2	93 (4,9)	24 (10,4)	0,32 (0,1 -1,4)	
	2.0 đến < 2.5	16 (7,2)	0 (0)		
Năm học	Năm 2	117 (52,7)	11 (5)	6,6 3,1 – 13,9	0,000
	Năm 3	58 (26,1)	36 (16,2)		

Kết quả bảng 5 thấy có liên quan có ý nghĩa thống kê giữa điểm trung bình học và năm học với tập sự tự tin của sinh viên điều dưỡng. Nhóm sinh viên có học lực tốt hơn có sự tự tin cao hơn. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa năm học với sự tự tin của sinh viên. Sinh viên năm 3 có sự tự tin cao hơn sinh viên năm 2.

**Bảng 6. Liên quan giữa sự tự tin và các yếu tố động viên (n = 222)**

	Yếu tố	Sự tự tin n (%)		OR (95% CI)	p
		Trung bình	Cao		
Yếu tố động viên của giảng viên và điều dưỡng khoa phòng	Có	163 (73,4)	16 (7,2)	16,6 6,7 – 41,1	0,000
	Thỉnh thoảng	12 (5,4)	31 (14,0)		
Yếu tố tâm lý của sinh viên	Có	61 (27,5)	3 (1,4)	0,04 (0,01 – 0,2)	0,031
	Thỉnh thoảng	97 (43,7)	24 (10,8)		
	Không	17 (7,7)	20 (9,0)		

Kết quả bảng 6 thấy có mối liên quan giữa hướng dẫn và động viên của giảng viên và điều dưỡng khoa phòng với sự tự tin đối sinh viên điều dưỡng chính quy với  $p < 0,05$ . Có mối liên quan giữa sự tự tin với yếu tố tâm lý của sinh viên điều dưỡng chính quy với  $p < 0,05$ .

## BÀN LUẬN

### Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu:

Trong nghiên cứu này, tỷ lệ sinh viên nữ là chủ yếu (92,3%) là phù hợp với đặc thù nghề nghiệp của điều dưỡng. Về số lượng và tỉ lệ sinh viên năm 2 và năm 3 lần lượt là 128 (57,7%) và 94 (42,3%). Cả 3 trường tham gia nghiên cứu đều có tỉ lệ sinh viên năm 3 thấp hơn năm 2 thường là do tỉ lệ bảo lưu và bỏ học trong quá trình học tập vì điều dưỡng cũng là một ngành học khá vất vả và cả trong học lý thuyết và thực hành.

Về điểm trung bình học tập, đa số sinh viên có kết quả học tập xếp loại khá chiếm tỉ lệ 52,3%, một số ít sinh viên có kết quả trung bình chiếm tỉ lệ 7,2%. Tỉ lệ sinh viên đạt loại khá chiếm tỉ lệ cao nhất là phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Chính tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2018 có tỉ lệ sinh viên học tập xếp loại khá chiếm tỉ lệ 70,1%<sup>7</sup>, hay nghiên cứu của Trần Thị Huyền tại đại học Quốc tế Hồng Bàng năm 2019 sinh viên có kết quả học tập xếp loại tốt và trung bình khá là 84,5%<sup>8</sup>.

**Thực trạng mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng:** Trong nghiên cứu này, sự tự tin của sinh viên điều dưỡng có điểm trung bình là 7,7 (trên thang điểm 10), 78,8% sinh viên có sự tự tin ở mức độ trung bình, 21,2% có mức độ tự tin cao, không có sinh viên nào tự đánh giá ở mức độ tự tin thấp. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huyền tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2019 có điểm trung bình cho sự tự tin của sinh viên Điều dưỡng chính quy là  $7,29 \pm 1,24$  (1 - 10)<sup>6</sup>. Trong nghiên cứu của Sabety và đồng nghiệp, 40% sinh viên đã báo cáo rằng kỹ năng của họ ở mức trung bình<sup>9</sup>. Trước khi tham gia lâm sàng, sinh viên đã được học tiền lâm sàng về kỹ

năng thực hành điều dưỡng, nên đã được thực hành rất nhiều lần trên môi trường mô phỏng và được kiểm tra từng kỹ năng trước khi làm thực tế để đảm bảo sinh viên có đủ kiến thức lý thuyết và thực hành khi thực hiện trên người bệnh. Ngoài ra, đánh giá được thực hiện vào thời gian cuối năm 2 và năm 3 nên sinh viên đã có thời gian đi thực tập tại bệnh viện và tiếp xúc với bệnh nhân do đó không có sinh viên đánh giá mức độ tự tin thấp.

Các sinh viên có sự tự tin cao nhất trong thực hành kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn (79,7%) và kỹ thuật tiêm thuốc cho người bệnh 63,5%. Sự tự tin thấp là kỹ thuật chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong (23,4%). Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huyền tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2019 các sinh viên có sự tự tin cao nhất trong thực hành kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn (75,8%), sự tự tin thấp nhất chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong (14,2%)<sup>6</sup>. Một nghiên cứu khác của Marzieh Abdal và các cộng sự cũng cho kết quả tương tự: mức độ tự tin cao nhất là kỹ năng đo dấu hiệu sinh tồn 73,2%, và kỹ thuật tiêm thuốc 70,2%; mức độ tự tin thấp ở kỹ năng chăm sóc người bệnh hấp hối tử vong 10,5%<sup>10</sup>. Từ các nghiên cứu trên cho thấy, các kỹ thuật có mức độ tự tin cao nhất và thấp nhất là tương đồng với một vài nghiên cứu trong nước và thế giới. Trong 30 kỹ năng thực hành điều dưỡng được nghiên cứu, sự tự tin của sinh viên cao ở những kỹ thuật gặp với tần suất nhiều, kỹ thuật đơn giản, dễ làm, dễ nhớ. Ngược lại những kỹ thuật khó, ít gặp trên lâm sàng sự tự tin cũng giảm dần.

**Các yếu tố liên quan đến mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng:** Mức độ tự tin chênh lệch giữa các nhóm điểm trung bình năm học

là không nhiều và không có ý nghĩa thống kê nhưng xét tổng thể yếu tố điểm trung bình có mối liên quan đến mức độ tự tin, các sinh viên điểm trung bình cao có sự tự tin cao hơn. Kết quả này cũng tương tự với kết quả nghiên cứu của McLaughlin phát hiện ra rằng những sinh viên điều dưỡng có điểm tổng kết học tập cao hơn thì năng lực bản thân tốt hơn <sup>11</sup>.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm sinh viên năm 2 có sự tự tin thấp hơn so với nhóm sinh viên năm 3, đây là điều hợp lý và có thể giải thích được sinh viên cao đẳng năm 2 mới được đi lâm sàng và bắt đầu từ những kỹ thuật đầu tiên, lần đầu được tiếp xúc người bệnh thực tế vì vậy hầu hết đều đánh giá mức độ tự tin trung bình và một phần nhỏ (5%) đánh giá mức độ tự tin cao.

Giữa các yếu tố động viên của giảng viên và điều dưỡng lâm sàng và sự tự tin của sinh viên có mối liên quan rất lớn tại bảng 6, tất cả sinh viên đều cảm thấy tự tin hơn khi có sự hướng dẫn, động viên của giảng viên hay điều dưỡng lâm sàng khi thực hiện kỹ năng. Các giảng viên điều dưỡng đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao sự tự tin cho sinh viên Điều dưỡng trong thực hành kỹ năng lâm sàng <sup>12</sup>.

Theo kết quả bảng 6, ta thấy có mối liên quan giữa yếu tố tâm lý và sự tự tin. Những sinh viên có tâm lý lo lắng khi thực hiện kỹ năng có điểm trung bình tự tin thấp nhất, số lượng sinh viên không có biểu hiện lo lắng khi thực hiện kỹ thuật chiếm tỉ lệ thấp nhất 16,7%.

## KẾT LUẬN

Phần lớn sinh viên có mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng ở mức độ trung bình (78,8%). Điểm trung bình về sự tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng là  $7,7 \pm 1,5$  (trên thang

điểm 10). Sự hướng dẫn và động viên của giảng viên và điều dưỡng lâm sàng đóng vai trò quan trọng đối với sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên. Vì vậy giảng viên và điều dưỡng lâm sàng cần quan tâm, hướng dẫn, giám sát sinh viên chặt chẽ hơn khi thực hành lâm sàng nhất là những sinh viên lần đầu đi lâm sàng và sinh viên có điểm trung bình học tập thấp. Cần chú ý hơn với những quy trình chăm sóc ít được thực hiện như chăm sóc cận tử, đặt nẹp bất động gãy xương.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. S. Panda, M. Dash, M. và J. John. Challenges faced by student nurses and midwives in clinical learning environment - A systematic review and meta-synthesis. *Nurse Educ Today*. 2021, 101, tr. 104875. doi: 10.1016/j.nedt.2021.104875.
2. M. Roche, D. Diers và C. Duffield. Violence toward nurses, the work environment, and patient outcomes. *J Nurs Scholarsh*. 2010, 42(1), tr. 13-22. doi: 10.1111/j.1547-5069.2009.01321.x.
3. Nguyễn Thị Tuyết. Một số giải pháp quản lý nâng cao chất lượng thực tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng ở Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An [Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục]. Trường Đại học Vinh. 2013.
4. A. Bandura. Self-efficacy. *Encyclopedia of psychology*, 2010. tr. 3, 368-369. <https://doi.org/10.1002/9780470479216.corpsy0836>
5. K. Kukulcu, O. Korukcu và Y. Ozdemir. Self-confidence, gender and academic achievement of undergraduate nursing students. *J Psychiatr Ment Health Nurs*. 2013, 20(4), tr. 330-5. doi: 10.1111/j.1365-2850.2012.01924.x.

6. Nguyễn Ngọc Huyền. Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng chính quy tại Bệnh viện trung ương Thái Nguyên năm 2019. Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2020, 225(01), tr. 47-52.
7. Nguyễn Thị Minh Chính, Nguyễn Trường Sơn và Nguyễn Ngọc Huyền. Vai trò của thực hành mô phỏng trong nhi khoa đến sự tự tin của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy trong thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho trẻ em. Tạp chí Y học Việt Nam. 2022, 517(2).
8. Trần Thị Huyền. Những thách thức mà sinh viên điều dưỡng gặp phải tại môi trường học tập lâm sàng tại Đại học Quốc tế Hồng Bàng năm 2019. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2020, 3(1), tr. 12-18.
9. F. Sabety, N. Akbari Nassaji and M. H. Haghighey Zadeh. Nursing student selfassessment regarding clinical skills achivement in ahvaz jundishapur university of medical sciences. Iran J. Med. Educ, 2011, tr. 11(5), pp. 506–515.
10. M. Abdal, N. Masoudi Alavi và M. Adib-Hajbaghery. Clinical Self-Efficacy in Senior Nursing Students: A Mixed- Methods Study. Nurs Midwifery Stud. 2015, 4(3), tr. e29143. doi: 10.17795/nmsjournal29143.
11. McLaughlin, Katrina, Moutray, Marianne và Muldoon. The role of personality and self - efficacy in the selection and retention of successful nursing students: a longitudinal study. Journal of advanced nursing. 2008, 61(2), tr. 211-221. doi: 10.1111/j.1365-2648.2007.04492.x.
12. L. Eggertson. Targeted. The impact of bullying, and what needs to be done to eliminate it. Can Nurse. 2011, 107(6), tr. 16-20.